

Câu 17. Khí áp giảm khi nhiệt độ

A. tăng lên

C. không tăng

B. giảm đi

D. không giảm

Câu 18. Gió Mậu dịch ở nửa cầu Bắc thổi theo hướng

A. Đông Bắc.

C. Tây Bắc.

B. Đông Nam

D. Tây Nam

Câu 19. Gió mùa là loại gió

A. thổi theo mùa.

C. thổi trên cao.

B. thổi quanh năm.

D. thổi ở mặt đất.

Câu 20. Gió nào sau đây thay đổi hướng theo ngày đêm?

A. Gió Tây ôn đới.

C. Gió đất, gió biển.

B. Gió Mậu dịch.

D. Gió fơn.

Câu 21. Gió Mậu dịch có tính chất

A. khô, ít mưa.

C. lạnh, ít mưa.

B. ẩm, mưa nhiều.

D. nóng, mưa nhiều.

Câu 22. Gió mùa thường hoạt động ở

A. đới nóng.

C. đới ôn hòa.

B. đới lạnh.

D. đới cận nhiệt.

Câu 23. Các khu áp thấp thường là nơi có lượng mưa

A. lớn.

C. trung bình.

B. nhỏ.

D. rất nhỏ.

Câu 24. Khu vực xích đạo có lượng mưa

A. ít nhất.

C. trung bình.

B. nhiều nhất.

D. tương đối nhiều.

Câu 25. Ở những nơi có khí áp cao sẽ có lượng mưa

A. rất lớn.

C. ít hoặc không mưa.

B. trung bình.

D. không mưa.

Câu 26. Miền có Frông, nhất là dãy hội tụ nhiệt đới đi qua thường

A. không mưa.

C. khô hạn.

B. mưa nhiều.

D. mưa rất ít.

Câu 27. Cùng một dãy núi sườn đón gió thường có

A. mưa nhiều.

C. không còn mưa.

B. mưa ít.

D. không khí khô ráo.

Câu 28. Nơi có dòng biển nóng chảy qua thì

A. mưa nhiều.

C. mưa ít.

B. trung bình.

D. không mưa.

Câu 29. Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

A. chí tuyến về áp thấp ôn đới.

C. chí tuyến về áp thấp xích đạo.

B. cực về áp thấp ôn đới.

D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 30. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự hình thành gió mùa trên Trái Đất là sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa

A. các vĩ độ theo mùa.

C. các kinh độ theo mùa.

B. lục địa và đại dương theo mùa.

D. các bán cầu theo mùa.

Câu 31. Sự thay đổi khí áp theo độ cao có đặc điểm

A. càng lên cao khí áp càng giảm.

C. khí áp tăng giảm thất thường.

B. càng lên cao khí áp càng tăng.

D. chỉ ở đồng bằng khí áp mới giảm theo độ cao.

Câu 32. Khu vực chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch thường mưa ít do

A. gió Mậu dịch không thổi qua đại dương

C. gió Mậu dịch thổi yếu

B. gió Mậu dịch chủ yếu là gió khô

D. gió Mậu dịch thổi từ đại dương vào.

Câu 33. Các hoang mạc lớn trên thế giới thường phân bố ở khu vực cận chí tuyến chủ yếu là do

A. nhận được nguồn bức xạ từ Mặt Trời lớn.

B. dòng giáng từ trên cao khí quyển xuống.

- C. khu vực áp cao thống trị, dòng biển lạnh.
- D. có lớp phủ thực vật thưa thớt, dòng biển lạnh.

Câu 34. Nhiệt độ trung bình năm trên Trái Đất có xu hướng giảm dần từ vùng vĩ độ thấp về các vĩ độ cao chủ yếu do

- A. càng về vĩ độ cao chênh lệch góc nhập xạ càng lớn.
- B. càng về vùng vĩ độ cao thì góc nhập xạ trong năm càng nhỏ.
- C. tầng đối lưu ở vùng vĩ độ cao mỏng hơn ở vùng vĩ độ thấp.
- D. càng về vùng vĩ độ cao thời gian được Mặt Trời chiếu sáng trong năm càng ít.

Câu 35. Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt trong năm càng tăng là do

- A. góc chiếu sáng nhỏ dần.
- B. chênh lệch góc chiếu sáng và thời gian chiếu sáng trong năm tăng dần.
- C. càng về cực thời gian chiếu sáng càng nhỏ.
- D. góc nhập xạ lớn.

Câu 36. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa vì

- A. đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.
- B. bề mặt các lục địa nhận được lượng bức xạ nhiều hơn đại dương.
- C. đất hấp thụ nhiệt nhanh hơn nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.
- D. độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương.

Câu 37. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc hình thành đai áp thấp ở xích đạo là

- A. diện tích rừng lớn, lượng mưa lớn.
- B. có tỉ lệ diện tích lục địa nhỏ hơn nhiều so với tỉ lệ diện tích đại dương.
- C. có vận tốc tự quay lớn nên lực li tâm lớn khiến sức nén của không khí lên mặt đất giảm.
- D. quanh năm có nhiệt độ cao, không khí nóng giãn nở và bốc lên cao, sức nén xuống bề mặt đất thấp.

Câu 38. Vào mùa Thu - Đông ở dãy Trường Sơn nước ta, sườn có mưa nhiều là

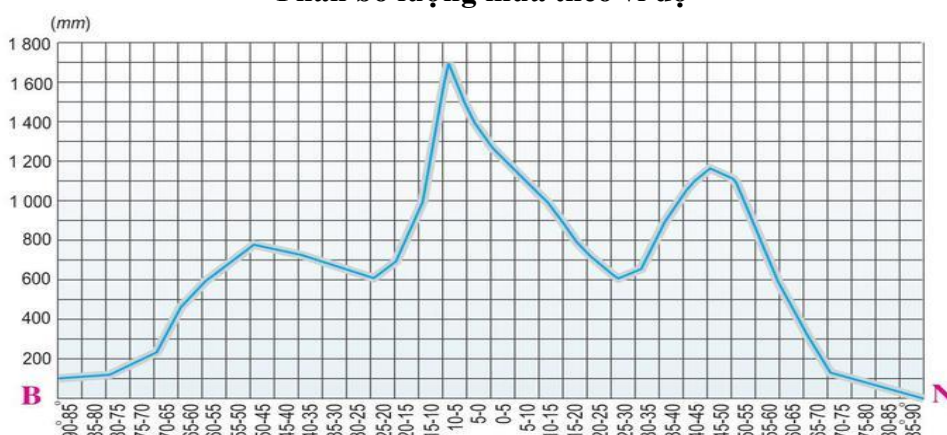
- A. Trường Sơn Đông.
- B. Trường Sơn Tây.
- C. cả hai sườn đều mưa nhiều.
- D. không có sườn nào.

Câu 39. Sườn đông dãy Trường Sơn nước ta có gió phơn khô nóng vào mùa hạ là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Có khí áp cao.
- B. Gió Mậu Dịch thổi đến.
- C. Gió Tây Nam thổi đến.
- D. Bức chắn địa hình.

Câu 40. Cho biểu đồ:

Phân bố lượng mưa theo vĩ độ



Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về phân bố mưa trên Trái Đất?

- A. Xích đạo có lượng mưa lớn nhất.
- B. Chí tuyến có lượng mưa nhỏ nhất.
- C. Ở ôn đới có lượng mưa lớn nhất.
- D. Ở hai cực có lượng mưa lớn nhất.

Câu 41. Vùng ôn đới mưa nhiều chủ yếu là do

A. gió Tây ôn đới, dòng biển nóng, áp thấp.

B. gió Tây ôn đới, dòng biển lạnh, vị trí.

C. áp thấp ôn đới, gió Đông cực, dòng biển.

D. áp cao nhiệt đới, gió Mậu dịch, dòng biển.

Câu 42. Hiện tượng mưa ngâu ở miền Bắc nước ta có liên quan đến sự xuất hiện của

A. frông cực.

B. frông nóng.

C. frông lạnh.

D. dải hội tụ nhiệt đới.

II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

(Đơn vị: °C)

Vĩ độ	0°	20°	30°	40°	50°	60°	70°	80°
Nhiệt độ trung bình năm	24,5	25,0	20,4	14,0	5,4	-0,6	-10,4	-20,0
Biên độ nhiệt độ năm	1,8	7,4	13,3	17,7	23,8	29,0	32,2	31,0

a) Nhiệt độ trung bình năm giảm từ xích đạo về cực.

b) Khu vực chí tuyến có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.

c) Biên độ nhiệt độ năm tăng từ xích đạo về cực.

d) Biên độ nhiệt độ năm thay đổi theo vĩ độ do góc nhập xạ giảm từ xích đạo về cực.

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau

Hoang mạc Sa-ha-ra là một trong những hoang mạc rộng lớn nhất thế giới với diện tích 9 triệu km², xấp xỉ 1/3 diện tích lục địa Châu Phi. Nhiệt độ ở Sahara rất cao, trung bình năm luôn trên 25°C, những tháng nóng nhất có thể lên tới 50°C. Sahara là vùng có gió thổi rất mạnh, gió và bão cát làm tăng thêm tính khắc nghiệt của hoang mạc. Lượng mưa trung bình chỉ khoảng 25mm/năm, ở các vùng phía đông chỉ dưới 5mm/năm. Lớp phủ thực vật cực kỳ thưa thớt.

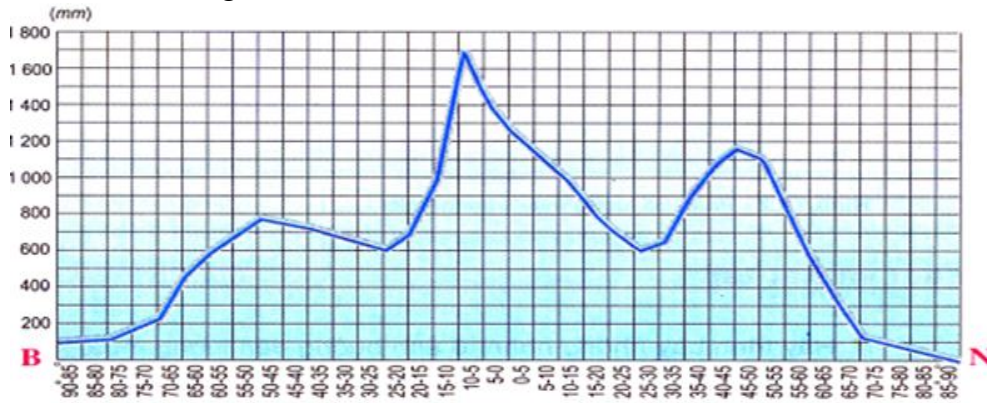
a. Hoang Mạc Sahara có lượng mưa rất thấp.

b. Khí hậu ở hoang mạc Sahara vô cùng khắc nghiệt.

c. Giới động vật ở Sahara rất phong phú.

d. Lượng mưa ở hoang mạc Sahara thấp là do nằm dưới áp cao cận chí tuyến.

Câu 3. Cho hình: Phân bố lượng mưa theo vĩ độ trên Trái Đất



Phân bố lượng mưa theo vĩ độ

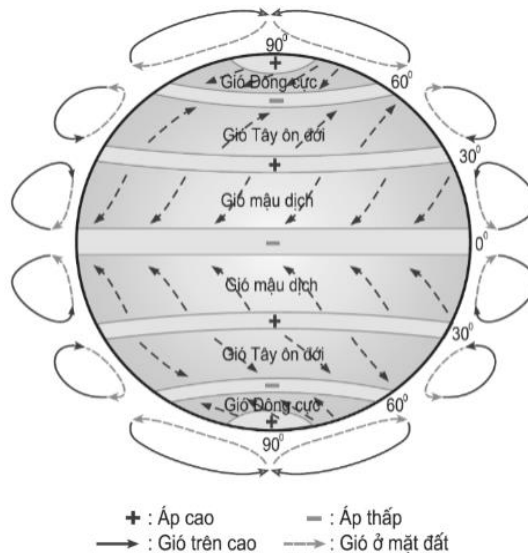
a) Ở vùng ôn đới có lượng mưa lớn nhất.

b) Ở hai cực có lượng mưa lớn do nhiệt độ thấp.

c) Vùng chí tuyến có lượng mưa tương đối ít.

d) Xích đạo có lượng mưa lớn nhất chủ yếu do áp thấp, diện tích đại dương nhiều, dòng biển nóng.

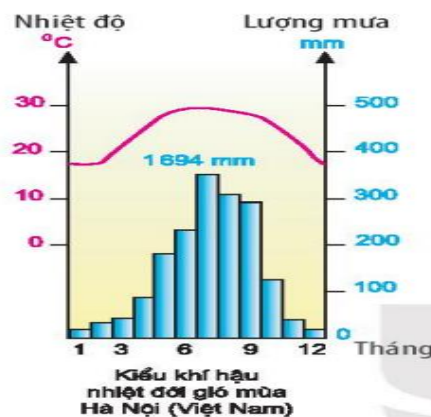
Câu 4. Cho hình sau:



CÁC ĐAI KHÍ ÁP CAO VÀ ÁP THẤP TRÊN TRÁI ĐẤT

- a) Trên Trái Đất có 7 đai khí áp.
- b) Các đai khí áp cao và các đai khí áp thấp phân bố xen kẽ và đối xứng qua đai áp thấp xích đạo.
- c) Tất cả các đai khí áp đều được hình thành do nhiệt lực.
- d) Trên thực tế các đai khí áp phân bố không liên tục mà bị chia cắt thành các trung tâm khí áp riêng biệt là do sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

Câu 5: Cho biểu đồ sau:



- a. Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất của Hà Nội khoảng 30°C.
- b. Hà Nội nằm trong đới khí hậu Nhiệt đới.
- c. Biên độ nhiệt năm của Hà Nội khoảng 5°C.
- d. Lượng mưa ở Hà Nội có sự phân hóa theo mùa: mưa nhiều vào mùa hạ, mưa ít vào mùa đông.

Câu 6. Đọc đoạn thông tin, chọn đúng hoặc sai trong mỗi ý a), b), c), d) sau đây:

Gió mùa là loại gió thổi theo mùa, hướng ngược nhau giữa lục địa và đại dương. Nguyên nhân chủ yếu là do sự nóng lên và lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương theo mùa. Vào mùa đông, lục địa bị mất nhiệt nhanh hình thành các áp cao, gió thổi từ lục địa ra đại dương, có tính chất khô. Đến mùa hạ, lục địa bị đốt nóng nhiều hơn hình thành nên áp thấp, gió từ đại dương thổi vào lục địa, có tính chất ẩm.

(Nguồn: Sách giáo khoa Cánh Diều Địa lí 10)

- a) Gió mùa có hướng thổi ngược nhau giữa lục địa và đại dương theo mùa.
- b) Sự hình thành áp cao và áp thấp theo mùa ở lục địa và đại dương hình thành nên gió mùa.
- c) Gió mùa hoạt động ở tất cả các quốc gia nằm trong khu vực nội chí tuyến.
- d) Gió mùa mùa hạ có tính chất nóng ẩm, gây mưa nhiều cho các vùng gió thổi đến.

III – TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

- Câu 1.** Trong tầng đối lưu, trung bình lên cao 100m nhiệt độ không khí giảm bao nhiêu độ?
- Câu 2.** Khi ở chân núi nhiệt độ không khí là 32°C đến độ cao 2500m thì nhiệt độ ở đỉnh núi lúc đó là bao nhiêu?

Câu 3. Khi gió khô xuống núi, núi ở độ cao 2500m, nhiệt độ của không khí trong gió là 13⁰C thì khi xuống đến độ cao 300m, nhiệt độ không khí trong gió sẽ là bao nhiêu độ?

Câu 4. Tại 1 ngọn núi, biết nhiệt độ tại chân núi là 25⁰C, nhiệt độ tại đỉnh núi là 19⁰C. Hỏi đỉnh núi đó cao bao nhiêu m?

Câu 5. Một ngọn núi cao 3000m, biết nhiệt độ đo được tại chân núi sườn đón gió là 26⁰C. Tính nhiệt độ tại đỉnh núi và nhiệt độ tại chân núi sườn khuất gió?

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm 2022 tại Nam Định

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	18,1	15,1	22,5	23,9	26,4	30,4	29,9	29,0	28,1	24,8	24,9	17,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết biên độ nhiệt độ năm tại Nam Định năm 2020 là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của °C).

Câu 7. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng tại Lạng Sơn năm 2021

(Đơn vị: °C)

Vĩ độ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	13,7	18,7	22,1	24,5	26,7	26,2	25,8	26,0	24,7	21,8	19,0	15,6

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2020, NXB thống kê Việt Nam, 2021)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm tại Lạng Sơn ((làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của °C)

Câu 8. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2021 TẠI TRẠM QUAN TRẮC ĐÀ NẴNG

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	34,7	3,2	1,4	24,1	2,1	3,8	12,5	9,3	800,4	782,8	27,1	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

BÀI 11. THỦY QUYỀN. NƯỚC TRÊN LỤC ĐỊA

I – TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Vùng Hồ Lớn (Ngũ Hồ) ở lục địa Bắc Mỹ thuộc loại hồ nào sau đây?

- A. Hồ băng hà.
- B. Hồ tự nhiên
- C. Hồ nhân tạo.
- D. Hồ miệng núi lửa.

Câu 2. Nước trên lục địa gồm nước ở

- A. trên mặt, nước ngầm.
- B. trên mặt, hơi nước.
- C. nước ngầm, hơi nước.
- D. băng tuyết, sông, hồ.

Câu 3. Băng và tuyết là nước ở thể nào sau đây?

- A. Rắn.
- B. Lỏng.
- C. Hơi.
- D. Khí.

Câu 4. Hồ thủy điện Hòa Bình trên sông Đà nước ta thuộc loại hồ nào sau đây?

- A. Hồ băng hà.
- B. Hồ tự nhiên.
- C. Hồ nhân tạo.
- D. Hồ miệng núi lửa.

Câu 5. Hồ Tây (Hà Nội) thuộc loại hồ nào sau đây?

- A. Hồ băng hà. B. Hồ tự nhiên.
C. Hồ móng ngựa. D. Hồ miệng núi lửa.

Câu 6. Sông ngòi ở miền khí hậu nào dưới đây có đặc điểm là nhiều nước quanh năm?

- A. Khí hậu nhiệt đới gió mùa. B. Khí hậu cận nhiệt đới gió mùa.
C. Khí hậu ôn đới lục địa. D. Khí hậu xích đạo.

Câu 7. Hồ, đầm là nhân tố làm cho

- A. mùa lũ kéo dài hơn. B. lũ trên các sông lên cao hơn.
C. chế độ nước sông điều hoà hơn. D. mùa lũ trở nên dữ dội hơn.

Câu 8. Mực nước lũ của các sông ngòi ở miền Trung nước ta thường lên rất nhanh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

- A. Sông nhỏ, dốc, nhiều thác ghềnh.
B. Sông lớn, lòng sông rộng, nhiều phụ lưu.
C. Sông lớn, lượng mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày.
D. Sông dốc, lượng mưa lớn, tập trung trong thời gian ngắn.

Câu 9. Giải pháp nào sau đây **không** nhằm bảo vệ nguồn nước ngọt?

- A. Sử dụng nguồn nước ngọt một cách hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.
B. Giữ sạch nguồn nước, tránh ô nhiễm.
C. Tích trữ nước ngọt.
D. Phân phối lại nguồn nước ngọt trên thế giới.

Câu 10. Sông ngòi ở miền khí hậu nào sau đây có đặc điểm “sông có lũ lớn vào mùa mưa và cạn vào mùa khô”?

- A. Khí hậu hàn đới. B. Khí hậu xích đạo.
C. Khí hậu nhiệt đới gió mùa. D. Khí hậu cận nhiệt đới khô.

Câu 11. Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho sông ngòi nước ta có tổng lượng nước lớn?

- A. Thảm thực vật có độ che phủ cao và lượng mưa lớn.
B. Lượng mưa lớn trên đồi núi dốc và ít lớp phủ thực vật.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và lượng mưa lớn.
D. Mưa lớn và nguồn nước từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 12. Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến nguồn cung cấp nước cho sông là

- A. nước trên mặt và nước ngầm. B. chế độ mưa và băng tuyết tan.
C. chế độ mưa và nước ngầm. D. băng tuyết tan và nước ngầm.

Câu 13. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến đặc điểm bề mặt lưu vực sông?

- A. Độ dốc và hướng sườn địa hình. B. Hồ đầm và thực vật.
C. Chế độ mưa và băng tuyết tan. D. Sự phân bố và số lượng phụ, chi lưu sông.

Câu 14. Nguồn nước ngầm **không** phụ thuộc vào

- A. nguồn cung cấp nước mặt. B. khối lượng lớn nước biển.
C. đặc điểm bề mặt địa hình. D. sự thấm nước của đất đá.

Câu 15. Nguồn gốc hình thành băng là do

- A. nhiệt độ hạ thấp ở những nơi núi cao có nguồn nước ngọt.
B. tuyết rơi trong thời gian dài, nhiệt độ thấp không ổn định.
C. tuyết rơi ở nhiệt độ thấp, tích tụ và nén chặt thời gian dài.
D. nước ngọt gặp nhiệt độ rất thấp, tích tụ trong nhiều năm.

Câu 16. Nguyên nhân chính làm cho sông Mê Công có chế độ nước điều hoà hơn sông Hồng là do

- A. sông Mê Công dài hơn sông Hồng.
B. sông Mê Công đổ ra biển bằng chín cửa.
C. thủy điện Hoà Bình làm sông Hồng chảy thất thường.
D. Biển Hồ giúp điều hoà nước sông Mê Công.

II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: : Cho đoạn thông tin:

“ Sông được cấp nước từ 2 nguồn chính. Nguồn nước ngầm là nguồn cấp nước ít biến động, có vai trò điều tiết nước trong năm; nước trên mặt (nước mưa, băng tuyết tan) là nguồn cấp có biến động rõ rệt

theo mùa. Chế độ nước sông phụ thuộc chủ yếu vào chế độ mưa hay băng tuyết tan.”

(Nguồn: SGK -Kết nối tri thức với cuộc sống tr37 -NXBGD).

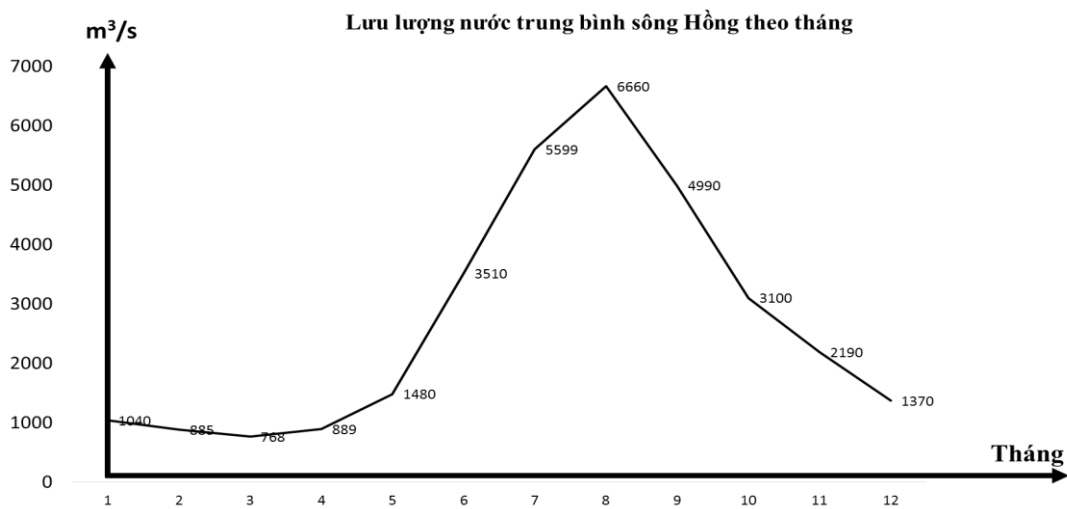
- Nguồn cấp nước chính cho sông là nước mưa và băng tuyết tan.
- Nước ngầm, nước mưa là nhân tố quyết định tới chế độ nước sông.
- Nguồn cấp nước ít biến động nhất là nước ngầm.
- Nguồn cấp nước luôn biến động theo mùa là nước mưa và băng tuyết tan.

Câu 2: Cho đoạn thông tin:

Sông ngòi ở miền Trung nước ta thường ngắn và dốc, phân thành nhiều lưu vực nhỏ độc lập. Lũ thường lên rất nhanh và đột ngột, nhất là khi gặp mưa và bão lớn. Mùa lũ tập trung vào cuối năm từ tháng 9 đến tháng 12, gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống, sản xuất và sinh hoạt.

- Nguồn cung cấp nước chủ yếu cho sông ngòi miền Trung nước ta là nước ngầm.
- Chế độ nước sông miền Trung có 2 mùa: mùa lũ và mùa cạn.
- Mùa lũ ở miền Trung thường xảy ra vào mùa hè.
- Lũ các sông miền Trung thường lên rất nhanh và đột ngột do sông nhỏ, ngắn, dốc và lượng mưa lớn trong thời gian ngắn.

Câu 3. Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- Sông Hồng có 3 tháng lưu lượng nước dưới 1000 m³/s.
- Lưu lượng nước trung bình của sông Hồng là 2 707 m³/s.
- Mùa lũ của sông Hồng từ tháng 5 đến tháng 11.
- Mùa lũ và mùa mưa tương đối trùng nhau, tuy nhiên mùa lũ đến chậm hơn mùa mưa 1 tháng.

III: TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN

Câu 1: Cho bảng số liệu

Lưu lượng dòng chảy tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	27,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s)

Câu 2. Cho bảng số liệu

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại Hà Nội

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1040	885	765	889	480	3510	5590	6660	4990	3100	2199	1370

Căn cứ vào bảng số liệu trên, đỉnh lũ Sông Hồng rơi vào tháng mấy?

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng dòng chảy tháng tại trạm Yên Thượng trên sông Cả

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	215	169	150	147	275	419	560	918	1358	1119	561	295

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính lưu lượng dòng chảy trung bình năm tại trạm Yên Thượng trên sông Cả (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m^3/s).

Câu 4: Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG NƯỚC TRUNG BÌNH THÁNG CỦA SÔNG HỒNG TẠI TRẠM HÀ NỘI

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

Lưu lượng nước của tháng cao nhất chiếm tỷ trọng bao nhiêu so với tổng lưu lượng nước cả năm? (làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

BÀI 12. NƯỚC BIỂN VÀ ĐẠI DƯƠNG

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Độ muối trung bình của nước biển là

- A. 33 ‰. B. 34 ‰. C. 35 ‰. D. 36 ‰.

Câu 2. Độ muối của nước biển **không** phụ thuộc vào

- A. lượng mưa. B. lượng bốc hơi.
C. lượng nước ở các hồ đầm. D. lượng nước sông chảy ra.

Câu 3. Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

- A. xích đạo. B. chí tuyến. C. cực. D. ôn đới.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu hình thành sóng là do

- A. nước chảy. B. gió thổi. C. băng tan. D. mưa rơi.

Câu 5. Thủy triều là hiện tượng dao động thường xuyên và có chu kỳ của các khối nước trong

- A. các dòng sông lớn. B. các ao hồ.
C. các đầm lầy. D. các biển và đại dương.

Câu 6. Khi Mặt Trăng, Mặt Trời và Trái Đất ở vị trí như thế nào thì dao động của thủy triều nhỏ nhất?

- A. Thăng hàng. B. Vòng cung.
C. Đối xứng. D. Vuông góc.

Câu 7. Thủy triều hình thành do

- A. Sức hút của dải ngân hà.
B. Sức hút của các hành tinh.
C. Sức hút của các thiên thạch.
D. Sức hút của Mặt Trăng, Mặt Trời và lực li tâm của Trái Đất.

Câu 8. Các dòng biển nóng thường phát sinh từ

- A. hai bên chí tuyến. B. hai bên xích đạo.
C. khoảng vĩ tuyến 30 - 40°. D. chí tuyến Bắc và Nam.

Câu 9. Nhiệt độ nước biển

- A. thay đổi hơn nhiệt độ không khí. B. thay đổi theo mùa trong năm.
C. tăng dần từ Xích đạo về hai cực. D. tăng dần theo độ sâu.

Câu 10. Nhiệt độ của nước biển và đại dương

- A. giảm dần từ vùng cực về xích đạo. B. cao nhất ở vùng cận nhiệt và ôn đới.
C. thay đổi theo vĩ độ và theo độ sâu. D. từ độ sâu 300m trở lên rất ít thay đổi.

Câu 11. Dao động thủy triều lớn nhất ở trong trường hợp Mặt Trăng, Mặt Trời, Trái Đất nằm

- A. vuông góc với nhau. B. thẳng hàng với nhau.
C. lệch nhau góc 45 độ. D. lệch nhau góc 60 độ.

Câu 12. Dao động thủy triều trong tháng lớn nhất vào ngày

- A. đá mẹ.
C. địa hình.
- Câu 3.** Đất được cấu tạo bởi các thành phần chính là
A. nước, chất hữu cơ, không khí.
C. chất hữu cơ, nước và không khí.
- Câu 4.** Độ phì của đất là khả năng cung cấp nước, nhiệt, khí và các chất dinh dưỡng cần thiết cho
A. sinh vật.
C. thực vật.
- Câu 5.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần vô cơ cho đất?
A. Khí hậu.
C. Địa hình.
- Câu 6.** Nhân tố nào sau đây có tác động đến việc tạo nên thành phần hữu cơ cho đất?
A. Khí hậu.
C. Địa hình.
- Câu 7.** Nhân tố nào sau đây quyết định thành phần khoáng vật của đất?
A. Đá mẹ.
C. Sinh vật.
- Câu 8.** Yếu tố khí hậu nào sau đây có tác động mạnh nhất đến quá trình phong hóa đá và hình thành đất
A. độ ẩm và lượng mưa.
C. nhiệt độ và lượng mưa.
- Câu 9.** Nhân tố tác động chủ yếu tới sự phân phối nhiệt độ, độ ẩm và tích tụ vật liệu cho đất là
A. đá mẹ.
C. sinh vật.
- Câu 10.** Nhân tố vừa ảnh hưởng trực tiếp, vừa gián tiếp đến sự hình thành đất là
A. đá mẹ.
C. sinh vật.
- Câu 11.** Căn cứ vào yếu tố nào sau đây để phân biệt đất với đá, nước, sinh vật, địa hình?
A. độ ẩm.
C. độ phì.
- Câu 12.** Nhân tố nào đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đất và tác động đến sự phát triển của nhân tố khác là
A. đá mẹ.
C. sinh vật.
- Câu 13.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về vai trò của đá mẹ đối với việc hình thành đất?
A. Nguồn cung cấp vật chất vô cơ.
C. Quyết định thành phần khoáng vật.
- Câu 14.** Ở nơi địa hình dốc, tầng đất thường
A. mỏng, dễ xói mòn.
C. dày do bồi tụ.
- Câu 15.** Ở đồng bằng, tầng đất thường dày và giàu chất dinh dưỡng do
A. phong hóa diễn ra mạnh.
C. thường xuyên bị ngập nước.
- Câu 16.** Trong quá trình hình thành đất, vi sinh vật có vai trò
A. cung cấp các vật chất vô cơ có ở trong đất.
C. phân giải xác sinh vật và tổng hợp thành mùn.
- Câu 17.** Tác động quan trọng nhất của sinh vật đối với việc hình thành đất là
A. làm đá gốc bị phá hủy.
C. cung cấp chất vô cơ.
- Câu 18.** Ở vùng núi cao quá trình hình thành đất yếu, chủ yếu là do
A. trên núi cao áp suất không khí nhỏ.
- B. khí hậu.
D. sinh vật.
- B. chất khoáng, chất hữu cơ, nước.
D. chất khoáng, chất hữu cơ, nước và không khí.
- B. động vật.
D. vi sinh vật.
- B. Sinh vật.
D. Đá mẹ.
- B. Sinh vật.
D. Đá mẹ.
- B. Khí hậu.
D. Địa hình.
- B. lượng bức xạ và lượng mưa.
D. nhiệt độ và nắng.
- B. khí hậu
D. địa hình
- B. khí hậu.
D. địa hình.
- B. độ rắn.
D. nhiệt độ.
- B. khí hậu.
D. địa hình.
- B. Nguồn cung cấp vật chất hữu cơ.
D. Quyết định thành phần cơ giới.
- B. bạc màu, ít chất dinh dưỡng.
D. dày, giàu chất dinh dưỡng.
- B. thảm thực vật đa dạng.
D. quá trình bồi tụ chiếm ưu thế.
- B. góp phần quan trọng trong việc phá hủy đá.
D. là nguồn cung cấp các chất hữu cơ cho đất.
- B. cung cấp chất hữu cơ.
D. tạo các vành đai đất.
- B. nhiệt độ thấp nên phong hoá chậm.

C. lượng mùn ít, nghèo nàn.

D. độ ẩm quá cao, mưa nhiều.

Câu 19. Nguyên nhân do đâu mà các tỉnh miền núi phía Bắc của nước ta thường bị lũ quét?

A. Địa hình dốc, dễ xói mòn, mất lớp phủ thực vật.

B. Địa hình dốc, tầng đất mỏng, ít chất dinh dưỡng.

C. Địa hình thấp, trũng, có nhiều sông lớn.

D. Địa hình thấp, đất phù sa màu mỡ.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho thông tin sau

Đất là lớp vật chất mỏng bao phủ bề mặt các lục địa và đảo, được tạo thành do quá trình phong hoá các loại đá. Đất được cấu tạo bởi các thành phần chính bao gồm chất khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước. Đặc trưng cơ bản của đất là độ phì. Độ phì là khả năng đất cung cấp nước, các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác (như nhiệt độ, không khí,...), thực vật sinh trưởng và phát triển.

A) Đất là một thành phần cấu tạo nên vỏ Trái Đất.

B) Đất là tư liệu sản xuất không thể thay thế của nông nghiệp.

C) Thành phần cấu tạo nên đất chủ yếu là nước.

D) Đặc trưng cơ bản nhất của đất là chất khoáng.

Câu 2: Cho đoạn thông tin sau

Nhiệt và ẩm ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành đất. Tác động của nhiệt và ẩm làm cho đá bị phá huỷ thành những sản phẩm phong hoá. Những sản phẩm này sẽ tiếp tục bị phong hoá thành đất.

a) Khí hậu có vai trò rất quan trọng trong quá trình hình thành đất.

b) Khí hậu tác động đến sự hình thành đất qua yếu tố nhiệt, ẩm.

c) Khí hậu được coi là nhân tố khởi đầu cho sự hình thành đất.

d) Trên Trái đất có nhiều loại đất do khí hậu phân hoá đa dạng.

BÀI 15. SINH QUYỂN.

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Nhân tố tác động đến quá trình sinh trưởng, phát triển và quy định vùng phân bố của sinh vật là

A. địa hình.

B. nhiệt độ.

C. độ PH của đất.

D. dinh dưỡng.

Câu 2. Nhân tố quyết định đến sự phân bố của sinh vật là

A. địa hình.

B. nguồn nước.

C. khí hậu.

D. đất.

Câu 3. Ở lục địa, giới hạn phía dưới của sinh quyển xuống tới đáy của

A. lớp phủ thổ nhưỡng.

B. lớp vỏ phong hoá.

C. lớp dưới của đá gốc.

D. lớp vỏ lục địa.

Câu 4. Loài cây ưa nhiệt thường phân bố ở vùng

A. ôn đới, nhiệt đới.

B. nhiệt đới, cận nhiệt.

C. nhiệt đới, xích đạo.

D. cận nhiệt, ôn đới.

Câu 5. Giới hạn trên của sinh quyển là

A. hết tầng đối lưu.

B. nơi tiếp giáp với lớp ô-dôn.

C. nằm sát mặt đất.

D. tầng trên cùng của khí quyển.

Câu 6. Giới hạn dưới của sinh quyển là

A. độ sâu 11km đáy đại dương.

B. giới hạn dưới của lớp vỏ Trái đất.

C. giới hạn dưới của vỏ lục địa.

D. đáy đại dương và đáy của lớp vỏ phong hoá.

Câu 7. Khí hậu ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật thông qua các yếu tố

A. nhiệt độ, ánh sáng, nước, đất.

B. nhiệt độ, nước, độ ẩm, ánh sáng.

C. nhiệt độ, nước, khí áp, ánh sáng.

D. nhiệt độ, không khí, độ ẩm, ánh sáng.

Câu 8. Nhân tố ánh sáng mặt trời ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật là

A. phương tiện vận chuyển máu và dinh dưỡng ở động vật.

B. tác động đến khả năng định hướng và sinh sản động vật.

C. phương tiện vận chuyển và trao đổi chất hữu cơ cho cây.

D. tác động đến quá trình sinh trưởng và quy định vùng phân bố.

Câu 9. Nhân tố nhiệt độ ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố sinh vật là

- A. phương tiện vận chuyển máu và dinh dưỡng ở động vật.
- B. tác động đến khả năng định hướng và sinh sản động vật.
- C. phương tiện vận chuyển và trao đổi chất hữu cơ cho cây.
- D. tác động đến quá trình sinh trưởng và quy định vùng phân bố.

Câu 10. Yếu tố nào sau đây **không** có tác động tới sự phát triển và phân bố sinh vật?

- A. Khí hậu.
- B. Con người.
- C. Địa hình.
- D. Đá mẹ.

Câu 11. Yếu tố khí hậu nào sau đây **không** ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Nhiệt độ.
- B. Gió.
- C. Nước.
- D. Độ ẩm.

Câu 12. Các nhân tố nào sau đây của địa hình có ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố của sinh vật?

- A. Độ cao và hướng nghiêng
- B. Hướng nghiêng và độ dốc.
- C. Độ dốc và hướng sườn.
- D. Hướng sườn và độ cao.

Câu 13. Yếu tố nào sau đây tạo nên các vành đai phân bố thực vật?

- A. Độ cao.
- B. Hướng nghiêng.
- C. Hướng sườn.
- D. Độ dốc.

Câu 14. Yếu tố nào sau đây ảnh hưởng tới độ cao xuất hiện và kết thúc của các vành đai thực vật?

- A. Độ cao.
- B. Hướng nghiêng.
- C. Hướng sườn.
- D. Độ dốc.

Câu 15. Độ cao ảnh hưởng tới sự phân bố vành đai thực vật thông qua

- A. nhiệt độ và độ ẩm.
- B. độ ẩm và lượng mưa.
- C. lượng mưa và gió.
- D. độ ẩm và khí áp.

Câu 16. Nhân tố sinh học quyết định đối với sự phát triển và phân bố của động vật là

- A. nhiệt độ.
- B. độ ẩm.
- C. thức ăn.
- D. nơi sống.

Câu 17. Ảnh hưởng tích cực của con người đối với sự phân bố sinh vật **không** phải là

- A. Giảm diện tích rừng tự nhiên, mất nơi ở động vật.
- B. thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.
- C. đưa động vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.
- D. trồng rừng, mở rộng diện tích rừng ở toàn thế giới.

Câu 18. Tác động chủ yếu của con người đối với sự phân bố sinh vật là

- A. thu hẹp diện tích rừng trên bề mặt Trái Đất.
- B. thay đổi phạm vi phân bố của cây trồng, vật nuôi.
- C. làm tuyệt chủng một số loài động vật, thực vật hoang dã.
- D. tạo ra một số loài động, thực vật mới trong quá trình lai tạo.

Câu 19. Thực vật có ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố động vật chủ yếu là do

- A. thực vật là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật.
- B. thực vật là nguồn cung cấp thức ăn cho nhiều loài động vật.
- C. sự phát triển thực vật làm thay đổi môi trường sống của động vật.
- D. sự phát tán một số loài thực vật mang theo một số loài động vật nhỏ.

Câu 20. Các thảm thực vật trên Trái Đất rất đa dạng chủ yếu là do tác động của các nhân tố

- A. khí hậu, đất, địa hình, con người.
- B. thời gian, khí hậu, con người, sinh vật.
- C. thổ nhưỡng, địa hình, con người, đá mẹ.
- D. Đá mẹ, khí hậu, sinh vật, thời gian.

DẠNG II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Câu 1: Cho đoạn thông tin sau

“Để tránh nóng, động vật thường nấp vào bóng râm, vui thân vào cát sâu, chui xuống hang, leo lên cây cao,... Để tránh lạnh, động vật ẩn mình trong các hốc cây sống qua mùa lạnh, một số loài thay đổi chỗ ở theo mùa. Động vật ở xứ lạnh thường có lông dày, ở xứ nóng có ít lông”.

- A) Mỗi loài sinh vật thích nghi với giới hạn nhiệt độ nhất định.

- B) Khí hậu ảnh hưởng đến sinh vật qua nhiệt độ và ánh sáng.
- C) Đối với động vật ánh sáng ảnh hưởng không đáng kể đến sự phát triển.
- D) Động vật đa dạng do khí hậu phân hoá đa dạng.

Câu 2 : Cho thông tin

- Chè được trồng nhiều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ do vùng này có điều kiện tự nhiên phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây chè: khí hậu có một mùa đông lạnh, đất feralit phát triển trên đá vôi,...

- Cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên do vùng này có điều kiện tự nhiên phù hợp với sự sinh trưởng và phát triển của cây cà phê: đất badan màu mỡ, khí hậu mang tính cận xích đạo,...

- a) Khí hậu là nhân tố quyết định sự phát triển và phân bố sinh vật.
- b) Đất tác động lớn đến sự phát triển và phân bố của thực vật.
- c) Khí hậu và đất đai của nước ta đa dạng nên cơ cấu cây trồng đa dạng.
- d) Tây Nguyên có thể trồng được lúa do có đất phù sa màu mỡ.

BÀI 17: VỎ ĐỊA LÍ, QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA VỎ ĐỊA LÍ

Câu 1. Giới hạn dưới của vỏ địa lí ở lục địa là

- A. lớp mai-ti trên.
- B. hết lớp đất.
- C. hết lớp vỏ phong hoá.
- D. hết các tầng đá.

Câu 2. Chiều dày của lớp vỏ địa lí khoảng

- A. 30 – 35 km
- B. 30 – 40km
- C. 40 – 50km
- D. 50 – 100km

Câu 3. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

- A. mối quan hệ lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.
- B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.
- C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.
- D. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

Câu 4. Theo quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, muốn đưa bất kì lãnh thổ nào sử dụng vào mục đích kinh tế, cần phải

- A. nghiên cứu kĩ khí hậu, đất đai.
- B. nghiên cứu địa chất, địa hình.
- C. nghiên cứu khí hậu, đất đai, địa hình.
- D. nghiên cứu toàn diện tất cả các yếu tố địa lí.

Câu 5. Trong tự nhiên, một thành phần thay đổi sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần còn lại là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới.
- B. địa ô.
- C. thống nhất và hoàn chỉnh.
- D. đai cao.

Câu 6. Trong tự nhiên, các thành phần xâm nhập vào nhau, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới.
- B. địa ô.
- C. thống nhất và hoàn chỉnh.
- D. đai cao.

Câu 7. Hiện tượng đất đai bị xói mòn trơ sỏi đá là do các hoạt động sản xuất nào của con người gây nên?

- A. Khai thác khoáng sản.
- B. Ngăn đập làm thủy điện.
- C. Phá rừng đầu nguồn.
- D. Khí hậu biến đổi.

Câu 8. Các thành phần tự nhiên trong vỏ địa lí có mối quan hệ chặt chẽ với nhau chủ yếu do

- A. phân bố ở trên cùng một lớp vỏ của Trái Đất.
- B. đều chịu tác động của nội lực và ngoại lực.
- C. luôn chịu tác động của năng lượng mặt trời.
- D. có các thành phần chịu ảnh hưởng kiến tạo.

Câu 9. Việc phá rừng đầu nguồn sẽ làm cho

- A. đất ít bị xói mòn.
- B. khí hậu không biến đổi.
- C. mực nước ngầm ít bị hạ thấp.
- D. lũ quét được tăng cường.

Câu 10. Khi khí hậu khô hạn biến đổi sang ẩm ướt thì dẫn đến các biến đổi của dòng chảy sông ngòi, thảm thực vật, thổ nhưỡng là biểu hiện của quy luật

- A. địa đới
- B. địa ô
- C. đai cao
- D. thống nhất và hoàn chỉnh

Câu 11. Trong vỏ địa lí, sự thay đổi của khí hậu tác động đến sự thay đổi của

A. sinh vật, đất, địa hình, sông ngòi.

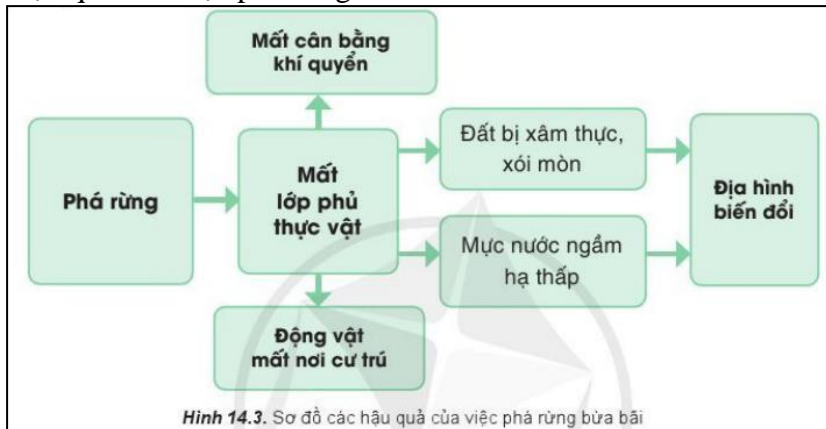
B. đất, thực vật, sông, hồ, đại dương.

C. thực vật, địa hình, động vật, nước.

D. đất, biển, thảm thực vật, sông hồ.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/ SAI

Câu 1. Cho sơ đồ về hậu quả của việc phá rừng:



Theo sơ đồ trên, những nhận định sau đây là đúng hay sai?

a) Nội dung của sơ đồ này là biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh.

b) Nội dung của sơ đồ này là biểu hiện của quy luật phi địa đới.

c) Phá rừng là một trong những nguyên nhân của biến đổi khí hậu toàn cầu.

d) Nội dung của sơ đồ này là biểu hiện của quy luật địa đới.

Câu 2: Cho thông tin sau

Sự nóng lên toàn cầu ảnh hưởng rất lớn đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất cả trực tiếp và gián tiếp. Tác động rõ nhất là làm tan băng ở các vùng cực và trên núi cao làm mực nước biển dâng, gia tăng các hiện tượng khí tượng thủy văn cực đoan,... Tác động gián tiếp đến các thành phần tự nhiên khác như sinh vật, đất,...

a) Trái đất nóng lên làm tự nhiên thay đổi.

b) Giữa các thành phần tự nhiên luôn phát triển độc lập.

c) Nhiệt độ tăng làm gia tăng thiên tai bất thường.

d) Sự thay đổi của tự nhiên do hiện tượng nóng lên toàn cầu là biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

BÀI 18: QUY LUẬT ĐỊA ĐỚI VÀ QUY LUẬT PHI ĐỊA ĐỚI

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo

A. vĩ độ.

B. kinh độ.

C. độ cao.

D. các mùa.

Câu 2. Quy luật địa ô là sự thay đổi có tính quy luật của các đối tượng địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. kinh độ.

D. các mùa.

Câu 3. Sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí từ xích đạo đến cực là biểu hiện của quy luật

A. địa đới.

B. địa ô.

C. thống nhất và hoàn chỉnh.

D. đai cao.

Câu 4 Quy luật đai cao là sự thay đổi có quy luật của các đối tượng địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. kinh độ.

D. các mùa.

Câu 5. Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do

A. nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.

B. sự vận động tự quay của Trái Đất.

C. dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời.

D. các tác nhân ngoại lực như gió, mưa.

Câu 6. Biểu hiện của quy luật địa đới là

A. sự phân bố các nhóm đất theo độ cao.

B. vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất.

C. sự phân bố các đới khí hậu trên Trái Đất.

D. sự phân bố các hoàn lưu trên đại dương.

Câu 7. Các đới khí hậu trên Trái Đất từ Xích đạo về cực được sắp xếp theo thứ tự

A. xích đạo, nhiệt đới, ôn đới, cực.

B. cận nhiệt, cận xích đạo, cận cực.

C. nhiệt đới, cận xích đạo, cận cực.

D. nhiệt đới, xích đạo, ôn đới, cực.

Câu 8. Do Trái Đất hình cầu và vị trí của nó so với Mặt Trời đã làm cho

- A. các cảnh quan trên bề mặt Trái Đất ít thay đổi.
- B. các thành phần tự nhiên giống nhau ở khắp mọi nơi.
- C. các thành phần tự nhiên và cảnh quan giống nhau ở hai bán cầu.
- D. các thành phần tự nhiên và cảnh quan thay đổi có quy luật từ xích đạo về cực.

Câu 9. Quy luật nào sau đây chủ yếu do ngoại lực tạo nên?

- A. Địa đới.
- B. Địa ô.
- C. Đai cao.
- D. Thống nhất.

Câu 10. Nguyên nhân chính nào tạo nên quy luật địa ô?

- A. Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương.
- B. Sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời theo vĩ độ.
- C. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.
- D. Hoạt động của các đới gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

Câu 11. Biểu hiện rõ nhất của quy luật địa ô là

- A. sự thay đổi các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
- B. sự thay đổi nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.
- C. sự thay đổi lượng mưa theo kinh độ.
- D. sự thay đổi các nhóm đất theo kinh độ.

Câu 12. Biểu hiện nào sau đây **không** phải biểu hiện của tính địa đới?

- A. Trên các lục địa, khí hậu phân hóa từ Đông sang Tây.
- B. Trên Trái Đất có năm vòng đai nhiệt.
- C. Trên Địa Cầu có bảy vòng đai địa lí.
- D. Trên các lục địa, từ cực về Xích đạo có sự thay thế các thảm thực vật.

Câu 13. Loại gió nào dưới đây **không** phân bố theo quy luật địa đới?

- A. Gió mùa.
- B. Gió Mậu dịch.
- C. Gió Đông cực.
- D. Gió Tây ôn đới.

Câu 14. Trên cùng một vĩ tuyến, từ Tây sang Đông ở các lục địa có sự khác nhau về thảm thực vật do bị chi phối bởi quy luật

- A. địa đới.
- B. địa ô.
- C. đai cao.
- D. phi địa đới.

Câu 15. Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt thấp hơn Nha Trang là biểu hiện của quy luật nào sau đây?

- A. Địa ô.
- B. Đai cao.
- C. Địa đới.
- D. Thống nhất.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1: Cho thông tin sau

Sự phân hoá của thiên nhiên theo chiều Đông - Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ẩm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

- a. Sự phân hoá thiên nhiên theo Đông- Tây nước ta là biểu hiện của quy luật địa ô.
- b. Vùng núi cao Tây Bắc có cảnh quan ôn đới là biểu hiện của quy luật địa đới.
- c. Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất là do gió mùa Đông Bắc.
- d. Nước ta có biểu hiện của quy luật phi địa đới là do địa hình.

PHẦN B: TỰ LUẬN

Câu 1. Giải thích tại sao nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam?

Câu 2. Vì sao phải bảo vệ nguồn nước ngọt? Em hãy nêu các biện pháp nào để bảo vệ nguồn nước ngọt?

Câu 3. Dựa vào kiến thức đã học, hãy giải thích hiện tượng thời tiết trong câu thơ sau của nhà thơ Thuý Bắc:

“ Trường Sơn Đông
Trường Sơn Tây
Bên nắng đốt
Bên mưa quay...”

Câu 4. Tại sao vào mùa nóng bức , người dân ở vùng đồng bằng và các đô thị rất thích đi du lịch, nghỉ dưỡng ở Sa Pa và Đà Lạt ?

Câu 5: Con người đã tác động làm biến đổi đất như thế nào?

Câu 6: Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất?

Câu 7: Cho bảng số liệu:

**Lưu lượng nước trung bình của sông Cửu Long
(qua trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)**

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lưu lượng	13570	6840	1570	1638	2920	10360	18860	21400	27500	29000	22000	23030

a. Tính lưu lượng nước trung bình năm của sông Cửu Long.

b. Cho biết thời gian mùa lũ, thời gian mùa cạn của sông Cửu Long và giải thích nguyên nhân.

Câu 8. Cho bảng số liệu sau:

Lượng mưa trung bình năm của các vĩ độ ở bán cầu Bắc (đơn vị: mm)

Vĩ độ	0-10 ⁰	20-30 ⁰	40-50 ⁰	70-80 ⁰
Lượng mưa ở bán cầu Bắc	1677	513	561	194

(Nguồn: SGK Địa lí 10, bộ Cảnh Diều, NXB Đại học sư phạm, 2022)

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích sự phân bố lượng mưa trung bình năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc.

ĐỀ MINH HỌA

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM

I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. (NB) Nhiệt độ trung bình năm cao nhất ở

- A. bán cầu Tây. B. đại dương. C. lục địa. D. bán cầu Đông.

Câu 2. (NB) Từ xích đạo về cực có

- A. nhiệt độ trung bình năm giảm, biên độ nhiệt độ năm tăng.
B. biên độ nhiệt độ năm tăng, nhiệt độ trung bình năm tăng.
C. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời tăng, nhiệt độ hạ thấp.
D. nhiệt độ hạ thấp, biên độ nhiệt độ trung bình năm giảm.

Câu 3. (NB) Phát biểu nào sau đây **không** đúng với phân bố lượng mưa trên Trái Đất?

- A. Mưa nhiều nhất ở vùng xích đạo. B. Mưa tương đối ít ở hai vùng chí tuyến.
C. Mưa nhiều ở hai vùng ôn đới. D. Mưa tương đối nhiều ở hai vùng cực.

Câu 4. (NB) Nhiệt độ không khí **không** thay đổi theo

- A. độ cao địa hình. B. độ dốc địa hình.
C. hướng phơi sườn núi. D. hướng dãy núi.

Câu 5. (NB) Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

- A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.
B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển,
C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.
D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

Câu 6. (NB) Nhiệt độ nước biển phụ thuộc vào nhiệt độ của

- A. không khí. B. đất liền. C. đáy biển. D. bờ biển.

Câu 7. (NB) Thủy quyển **không** phân bố ở đâu trên Trái Đất?

- A. Trong khí quyển B. Trong nhân Trái Đất
C. Trong cơ thể sinh vật D. Trong thạch quyển

Câu 8. Phát biểu nào sau đây không đúng với sinh quyển?

- A. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.
B. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.

C. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.

D. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.

Câu 9. (NB) Nhân tố nào sau đây quyết định thành phần khoáng vật của đất?

A. Đá mẹ.

B. Khí hậu.

C. Sinh vật.

D. Địa hình.

Câu 10. (NB) Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

A. toàn bộ sinh vật sinh sống.

B. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.

C. toàn bộ động vật và vi sinh vật.

D. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

Câu 11. (NB) Lớp vỏ địa lí được cấu tạo bởi các thành phần nào sau đây?

A. Khí hậu, thực vật, động vật, địa hình, thổ nhưỡng.

B. Khí quyển, thủy quyển, thạch quyển, sinh quyển.

C. Đất, đá, sinh vật, địa hình, khí hậu, cảnh quan.

D. Tầng trầm tích, tầng granit, tầng badan, lớp Manti.

Câu 12. (NB) Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí là

A. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các loài trong sinh vật

B. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các bộ phận của trái đất

C. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các tầng của khí quyển

D. quy luật về mối quan hệ qui định lẫn nhau giữa các thành phần của lớp vỏ địa lí

Câu 13. (NB) Phát biểu nào sau đây không đúng với lớp vỏ địa lí?

A. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.

B. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.

C. Ranh giới có sự trùng hợp với toàn sinh quyển.

D. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.

Câu 14. (TH) Ảnh hưởng tích cực của con người đối với sự phân bố sinh vật **không** phải là

A. Giảm diện tích rừng tự nhiên, mất nơi ở động vật.

B. thay đổi phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng.

C. đưa động vật nuôi từ lục địa này sang lục địa khác.

D. trồng rừng, mở rộng diện tích rừng ở toàn thế giới.

Câu 15. (VD) Việc xây dựng các đập thủy điện sẽ dẫn đến sự biến đổi

A. môi trường sinh thái.

B. Động vật, thổ nhưỡng.

C. Thực vật, thổ nhưỡng.

D. Khí hậu, địa hình.

Câu 16. (VD) Người dân sống ven biển thường lợi dụng thủy triều để

A. phát triển du lịch.

B. đánh bắt cá.

C. sản xuất muối.

D. nuôi hải sản.

II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho đoạn thông tin sau:

“Biển, đại dương có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; là nơi cung cấp tài nguyên sinh vật, tài nguyên khoáng sản, nguồn năng lượng; có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành hàng hải, du lịch; là môi trường sống có nhiều tác động tích cực đối với sức khỏe con người”.

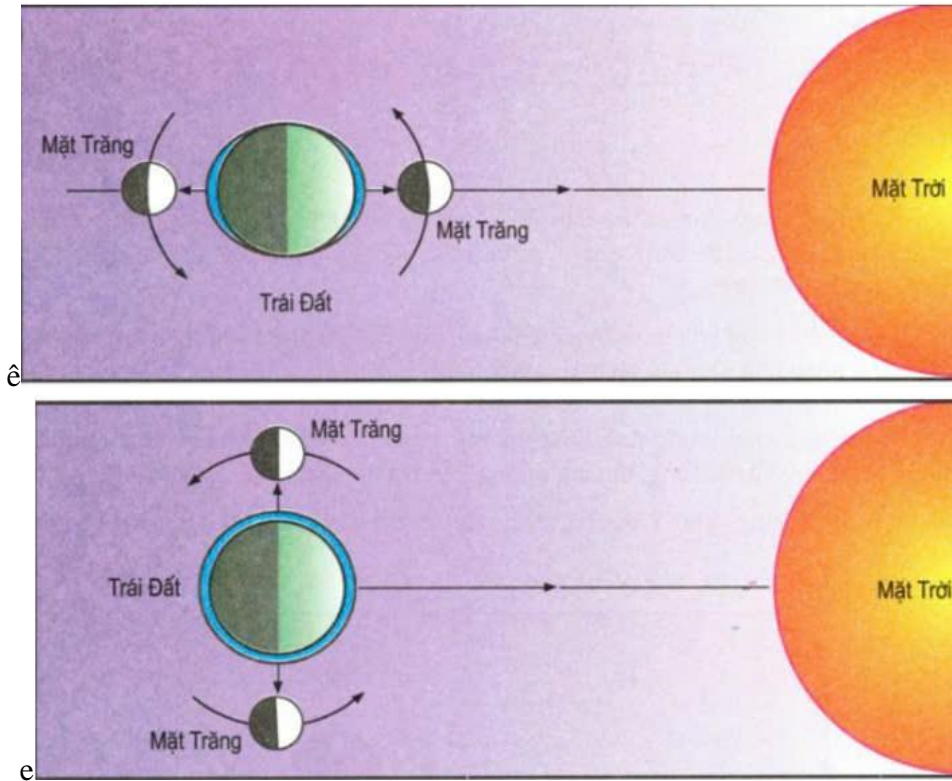
a. Khoáng sản quý giá do biển mang lại là dầu khí.

b. Về mặt môi trường biển và đại dương giúp điều hoà khí hậu.

c. Con người cần khai thác biển và đại dương theo hướng phát triển bền vững

d. Năng lượng tái tạo từ biển là mặt trời và địa nhiệt.

Câu 2. Cho hình ảnh sau sau:



- a. Nguyên nhân chính gây ra hiện tượng thủy triều là lực hấp dẫn của Mặt Trăng và Mặt Trời.
 b. Vào ngày “triều kém,” lực hấp dẫn không cộng hưởng mà triệt tiêu nhau một phần, làm giảm biên độ thủy triều.
 c. Phát triển năng lượng thủy triều góp phần đẩy mạnh kinh tế biển.
 d. Hiện tượng "triều kém" thường xảy ra vào thời điểm trăng non hoặc trăng tròn.

III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4

Câu 1. Vi khuẩn ở suối nước nóng chịu được nhiệt độ từ 70°C đến 90°C. Vậy nhiệt độ trung bình vi khuẩn sống ở đó là bao nhiêu (°C)? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2021 TẠI TRẠM QUAN TRẮC ĐÀ NẴNG

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	34,7	32,1	14,6	24,1	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa của Đà Nẵng năm 2021 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 3. Cho bảng số liệu

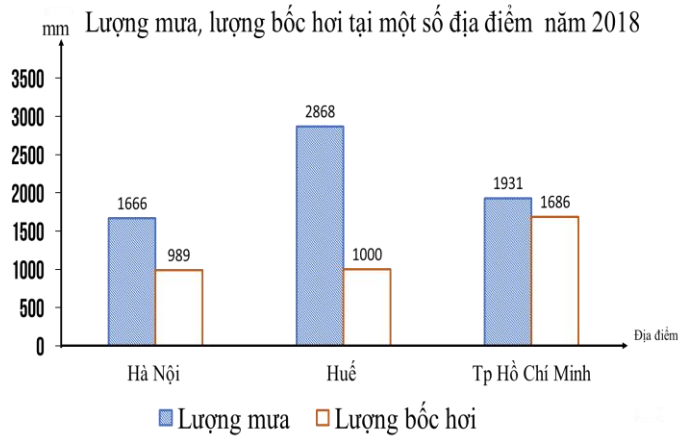
Lưu lượng dòng chảy tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	27,7	19,3	17,5	10,7	28,7	36,7	40,6	58,4	185,0	178,0	94,1	43,7

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lưu lượng dòng chảy mùa lũ năm tại trạm Đồng Tâm trên sông Gianh (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³/s)

Câu 4. Cho biểu đồ sau



(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2018, <https://www.gso.gov.vn>)

Cân bằng ẩm của Huế cao hơn thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

PHẦN B: TỰ LUẬN

Câu 1. (2 điểm) Vì sao phải bảo vệ nguồn nước ngọt? Ở địa phương em đã có các biện pháp nào để bảo vệ nguồn nước?

Câu 2. (1 điểm) Sinh quyển có vai trò như thế nào đến quá trình hình thành đất?

.....**HẾT**.....

ĐỀ 2

PHẦN A. TRẮC NGHIỆM

I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 16. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1 (B) Trong các thành phần của không khí gần bề mặt đất chiếm tỉ trọng lớn nhất là

A. Nito.

B. Ô xi.

C. Cacbonic.

D. Hơi nước.

Câu 2 (B) Nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ có đặc điểm

A. tăng dần từ xích đạo về cực.

B. giảm dần từ chí tuyến về hai phía.

C. giảm dần từ xích đạo về cực.

D. không có sự thay đổi nhiều.

Câu 3 (B) Gió Tây ôn đới thổi từ áp cao

A. chí tuyến về áp thấp ôn đới.

B. cực về áp thấp ôn đới.

C. chí tuyến về áp thấp xích đạo.

D. cực về áp thấp xích đạo.

Câu 4 (B) Trên Trái Đất, mưa nhiều nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. ôn đới.

C. chí tuyến.

D. cực.

Câu 5 (B) Thủy quyển là lớp nước trên Trái Đất bao gồm nước ở

A. biển, đại dương; nước ngầm; băng tuyết; nước sông, suối, hồ.

B. biển, đại dương; nước trên lục địa; hơi nước trong khí quyển,

C. sông, suối, hồ; nước ngầm; nước trong các biển và đại dương.

D. sông, suối, hồ; băng tuyết; nước trong các đại dương, hơi nước.

Câu 6 (H) Hồ được hình thành do quá trình uốn khúc và đổi dòng của sông ở các vùng đồng bằng được gọi là

A. hồ móng ngựa.

B. hồ kiến tạo.

C. hồ băng hà.

D. hồ miệng núi lửa.

Câu 7 (B) Độ muối nước biển lớn nhất ở vùng

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. cực.

D. ôn đới.

Câu 8 (B) Càng xuống sâu, nhiệt độ nước biển càng

A. thấp.

B. cao.

C. tăng.

D. không thay đổi.

Câu 9 (B) Phát biểu nào sau đây đúng về sự thay đổi nhiệt độ nước biển theo thời gian?

A. Mùa đông có nhiệt độ cao hơn mùa thu.

B. Ban ngày có nhiệt độ thấp hơn ban đêm.

C. Ban trưa có nhiệt độ thấp hơn ban chiều.

D. Mùa hạ có nhiệt độ cao hơn mùa đông.

Câu 10 (B) Đất (thổ nhưỡng) là lớp vật chất

A. tơi xốp ở bề mặt lục địa.

B. rắn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

C. mềm bở ở bề mặt lục địa.

D. vụn ở bề mặt vỏ Trái Đất.

Câu 11 (B) Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có

A. toàn bộ sinh vật sinh sống.

B. tất cả sinh vật và thổ nhưỡng.

C. toàn bộ động vật và vi sinh vật.

D. toàn bộ thực vật và vi sinh vật.

Câu 12 (B) Vỏ địa lí là vỏ

A. của Trái Đất, ở đó có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các quyển.

B. của Trái Đất, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

C. cảnh quan, ở đó có các lớp vỏ bộ phận, quan trọng nhất là sinh quyển.

D. vỏ cảnh quan, ở đó có khí quyển, thạch quyển, thủy quyển, sinh quyển.

Câu 13 (B) Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí là quy luật về

A. mối quan hệ lẫn nhau giữa các bộ phận tự nhiên.

B. sự thay đổi các thành phần tự nhiên hướng vĩ độ.

C. sự thay đổi các thành phần tự nhiên theo kinh độ.

D. mối quan hệ lẫn nhau giữa con người và tự nhiên.

Câu 14 (B) Quy luật địa đới là sự thay đổi có tính quy luật của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. kinh độ.

D. các mùa.

Câu 15 (B) Quy luật đai cao là sự thay đổi có tính quy luật của các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí theo

A. vĩ độ.

B. độ cao.

C. đông tây.

D. các mùa.

Câu 16 (VD) Sườn đông dãy Trường Sơn nước ta có gió phơn khô nóng vào mùa hạ là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Có khí áp cao.
- B. Gió Mậu Dịch thổi đến.
- C. Gió Tây Nam thổi đến.

D. Bức chắn địa hình.

PHẦN II (2,0 điểm). Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của lượng bức xạ mặt trời và nguồn năng lượng bên trong Trái Đất đã làm cho các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí có sự thay đổi. Sự thay đổi đó diễn ra theo vĩ độ, theo kinh độ và độ cao địa hình tạo nên quy luật địa đới và phi địa đới trong vỏ địa lí.

- a. Biên độ nhiệt độ giảm dần từ xích đạo về hai cực là biểu hiện của quy luật địa đới.
- b. Tính phi địa đới biểu hiện rõ rệt nhất ở các vùng đất bằng phẳng, rộng lớn.
- c. Khi đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ (phía đông dãy Trường Sơn Nam) là mùa mưa thì Tây Nguyên (phía tây dãy Trường Sơn Nam) lại là mùa khô và ngược lại là biểu hiện của quy luật địa ô. (VD)
- d. Ở vùng đồng bằng và đồi núi thấp nước ta chủ yếu là các loài cây nhiệt đới, nhưng trên đỉnh núi cao Hoàng Liên Sơn lại có các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam và thiết sam là thể hiện quy luật đai cao. (VD)

Câu 2. Cho thông tin sau:

Đất là lớp vật chất mỏng bao phủ bề mặt các lục địa và đảo, được tạo thành do quá trình phong hoá các loại đá. Đất được cấu tạo bởi các thành phần chính bao gồm chất khoáng, chất hữu cơ, không khí và nước. Đặc trưng cơ bản của đất là độ phì. Độ phì là khả năng đất cung cấp nước, các chất dinh dưỡng và các yếu tố khác (như nhiệt độ, không khí,...) cho thực vật sinh trưởng và phát triển.

- a. Đất là lớp vật chất mỏng, tơi xốp bao phủ trên bề mặt các lục địa và đáy đại dương. (H)
- b. Đặc trưng cơ bản nhất của đất là các chất vô cơ (H)
- c. Đất đỏ badan ở Tây Nguyên là sản phẩm được phong hoá từ đá badan, là loại đất màu mỡ, giàu dinh dưỡng, tốt cho cây trồng. (VD)
- d. Các đặc tính lý, hoá, thành phần khoáng vật, thành phần cơ giới của đất được quyết định bởi đá mẹ (VD)

PHẦN III (1,0 điểm): Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa trung bình năm các tháng trong tại Cà Mau, năm 2022 (Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa	0,1	0,9	105,2	327,0	319,5	225,4	565,0	228,3	409,2	352,7	313,3	71,9

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính tổng lượng mưa trong năm tại Cà Mau. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm)

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội, năm 2022 (Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên hãy tính biên độ nhiệt của Hà Nội năm 2022 (giữ nguyên kết quả không làm tròn số).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Độ ẩm không khí trung bình các tháng trong năm 2022 tại Hà Nội

(Đơn vị: %)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	80,0	76,0	82,0	75,0	78,0	71,0	76,0	77,0	75,0	67,0	74,0	60,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết trong năm Hà Nội có bao nhiêu tháng độ ẩm cao hơn mức trung bình năm.

Câu 4. Tại độ cao 1000m trên dãy núi Phanxipăng có nhiệt độ là 29°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 3143m là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1: Cho bảng số liệu:

**Lưu lượng nước trung bình của sông Cửu Long
(qua trạm Mỹ Thuận và trạm Cần Thơ)**

(Đơn vị: m³/s)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lưu lượng	13570	6840	1570	1638	2920	10360	18860	21400	27500	29000	22000	23030

a. Tính lưu lượng nước trung bình năm của sông Cửu Long.

b. Cho biết thời gian mùa lũ, thời gian mùa cạn của sông Cửu Long và giải thích nguyên nhân.

Câu 2: Con người đã tác động làm biến đổi đất như thế nào?

==HẾT==